TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 225/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 277/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Nguyễn Thị Minh H** - sinh năm 2002; Căn cước công dân số 001302xxxxxx cấp ngày 31/5/2021; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: 21 ngõ 98, phố T, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Anh **Bùi Đức H** - sinh năm 1995; Căn cước công dân số 001095xxxxxx cấp ngày 24/7/2021; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số 14 ngõ 42, phố T, tổ 31, phường P, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Bùi Đức H chung sống tự nguyện từ đầu năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội. Chị H, anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị H, anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Bùi Quỳnh A (nữ), sinh ngày 29/8/2019. Ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 3/2026.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H, anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị H, anh H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị H, anh H tự nguyện thỏa thuận để chị H nộp cả tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị H, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết việc gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh H và anh Bùi Đức H.

- Về con chung: Chị H, anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Bùi Quỳnh A (nữ), sinh ngày 29/8/2019. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh chị để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 3 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị H, anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Chị H, anh H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị H, anh H để chị H nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005209 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

VŨ LỆ QUYÊN

TAND KHU VỰC 2
2YW190326.TL.QDBA
1003